

Văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ trong tiến trình văn học cổ điển Việt Nam

Võ Minh Hải

Trường Đại học Quy Nhơn

Email liên hệ: minhhaiquynhon@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phác hoạ những vấn đề cơ bản của văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ trong tiến trình văn học cổ điển Việt Nam. Từ góc nhìn lịch đại, bài viết nêu bật những đóng góp cơ bản của một số tác gia và thể loại tiêu biểu của văn học chữ Hán, chữ Nôm khu vực đặc biệt này. Đề xuất một số hướng nghiên cứu, tiếp cận nhằm xác định rõ vai trò, vị trí của bộ phận văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ trong tương quan với văn học dân tộc.

Từ khóa: văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ, tác gia Hán Nôm, thể loại văn học Hán Nôm, tiến trình văn học Hán Nôm.

South Central covenant culture in Vietnam's classical culture program - legends

Abstract: The article initially outlines some basic issues of Sino-Nom literature of the South Central region in the process of Vietnamese classical literature. From the diachronic point of view, the article highlights the basic contributions of some typical authors and genres of Han literature and Nom literature in this special area. From the preliminary overview, we propose a number of research approaches in order to clearly define the role and position of Sino – Nom literature of the South Central region in relation to the national literature.

Keywords: literature of the South Central region, authors of Sino – Nom literature, genres of Sino – Nom literature, process of Sino – Nom literature.

Ngày nhận bài: 01/07/2020

Ngày duyệt đăng: 05/12/2020

1. Đặt vấn đề

Nam Trung Bộ là vùng văn hoá khá đặc biệt của Việt Nam, là nơi lịch sử Hán Nôm bắt đầu khá muộn. Số lượng tư liệu Hán Nôm ở Nam Trung Bộ hiện nay rất phong phú, đa dạng. Nó là một phần của ký ức dân tộc ta thời mở cõi và đấu tranh giữ gìn sự thống nhất dân tộc. Hiện nay nhu cầu sưu tầm tư liệu Hán Nôm để phục vụ việc bảo tồn vốn văn hóa cổ, đồng thời cũng để phục vụ giáo dục và nghiên cứu văn học là vô cùng cấp thiết.

Vùng văn học là một thuật ngữ được sử dụng để chỉ văn học ở một vùng, khu vực địa lý nhất định, trong đó có một số tác giả viết theo một khuynh hướng nhất định và có một số điểm chung về nội dung, nghệ thuật và trở thành một trào lưu văn học. Nguyễn Hữu Sơn trong “Văn học Quảng Nam nửa đầu thế kỉ XX trong tiến trình hiện đại hoá” đã nhận định: “Quá trình hình thành, phát triển vùng văn học luôn gắn liền với lịch trình kiến tạo vùng văn học và định hình mối liên kết vùng văn hoá – văn học, trong đó bộ phận văn học (dân gian và bác học) mang đặc trưng nghệ thuật ngôn từ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Diện mạo các vùng văn học được khu biệt nhau trước hết theo địa bàn lịch sử - văn hoá, theo đường biên địa lý và chính diện mạo đội ngũ tác gia – tác phẩm cụ thể” (Nguyễn Hữu Sơn, 2008).

Nghiên cứu văn học các địa phương, vấn đề về đội ngũ và chất lượng tác gia – tác phẩm chính là căn cứ quan trọng để xác định được những đặc điểm cơ bản của mỗi vùng văn học như: nguồn gốc, tiến trình phát triển, đặc tính truyền thống, tính kế thừa của mỗi giai đoạn, tính trội bật về nội dung, chủ đề và thể loại đặc trưng. Từ thực tế nghiên cứu, chúng tôi cho rằng các đặc điểm cơ bản làm nên diện mạo của một vùng văn học có thể xác định như sau: *Một là* bối cảnh lịch sử địa phương trong mối quan hệ với lịch sử quốc gia; *Hai là* đặc điểm địa lý nhân văn và con người trong tiến trình phát triển văn hoá địa phương; *Ba là* những khuynh hướng sáng tác tiêu biểu và trội bật; *Bốn là* chất lượng tác phẩm và tài năng, phong cách của lực lượng sáng tác tiêu biểu của địa phương.

Nam Trung Bộ là vùng đất trung tâm giao lưu văn hoá của các cộng đồng người Chăm, Việt và Hoa, là vùng đất đã chứng kiến biết bao cuộc biến thiên của lịch sử với những đặc tính phức tạp của nó. Do đó, văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ cũng đã góp phần phản ánh tình trạng phân cách của đất nước thời Trịnh Nguyễn phân tranh và đề cao tình cảm trung quân ái quốc và tự hào dân tộc. Nó cũng phác họa một bức tranh thời đại loạn lạc, chiến tranh liên miên với những sự thù nghịch, đối trọng giữa các tập đoàn phong kiến. Bên cạnh đó, qua một số tác phẩm của Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu và các tác gia Hán Nôm thế kỉ XVIII, XIX ở các địa phương như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hoà đã phần nào thể hiện rõ ý thức “dấn thân” của các thế hệ lưu dân trong hành trình Nam tiến đến vùng đất mới sau sự kiện 1470, đặc biệt là sau năm 1558, khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Tất cả những dự kiện trên đã chính thức mở ra một vùng văn học mới có ý nghĩa lịch sử đối với tiến trình phát triển của văn học Việt Nam.

2. Đặc điểm cơ bản của văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ

2.1. Tính “đặc biệt” của văn học vùng Hán Nôm Nam Trung Bộ

Nam Trung Bộ vốn là đất cũ của Chiêm Thành. Theo Đồ Bàn thành ký 閣槃城記, Nguyễn Văn Hiến 阮文顯 (triều Minh Mệnh 明命), thì đây là vùng có địa hình hiểm trở, thành trì kiên cố, người Chiêm Thành đã gìn giữ được 5 thế kỉ đến khi Lê Thánh Tông Nam chinh đã đánh lui về tận núi Đá Bia vào năm 1471. (Đặng Quý Định, 2008). Vùng dân cư của Nam Trung Bộ được hình thành và dần trở thành một vùng đất trọng địa của Đàng Trong. Cùng đồng hành với quá trình phát triển vùng văn hoá Nam Trung Bộ, diện mạo văn học Hán Nôm khu vực Nam Trung Bộ cũng dần được hình thành và gắn với những tên tuổi các danh gia như Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu, Trương Mỹ Ngọc, Nguyễn Diêu, Đào Tấn, Đào Phan Duân, Nguyễn Đăng Tuyển, Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Tri, Lê Trung Đình, Võ Trứ, Phạm Phú Thứ, Phạm Liệu, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân, Nguyễn Thành, Nguyễn Thuật, Tú Quỳ, Thủ Thiệm, ...

Văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ, tính từ dấu mốc 1470, Lê Thánh Tông đã Nam chinh và mở mang bờ cõi đến vùng Thạch Bi Sơn. Với những tác gia thời kì đầu như Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) với những tác phẩm *Chinh Tây kỉ hành* 征西紀行 (là một tập thơ nhỏ được chép trong *Thiên Nam dư hạ tập* 天南餘暇集, biên chép hành trình chinh phục Chiêm Thành vào năm 1470 – 1471) và *Minh lương cẩm tú thi tập* 明良錦繡詩集 (tập thơ chữ Hán của Lê Thánh Tông và các văn thần: Vịnh các cửa biển (15 bài); Nỗi nhớ nhà của các tướng sĩ khi theo Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành...) và Đào Duy Từ (thế kỉ XVI – XVII) với vở tuồng *Nôm Sơn Hậu* 山后, *Ngoạ Long cương vãn* 臥龍崗挽, *Tư Dung vãn* 思容挽... có thể được ghi nhận là những tác gia văn học Hán Nôm đầu tiên của văn học Nam Trung Bộ và cũng người khởi xướng cho văn học Hán Nôm Đàng Trong (bao gồm Nam Trung Bộ và Nam bộ) kể từ sau khi các chúa Nguyễn

xưng vương. Và tiếp theo dòng lịch sử, văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ còn tiếp tục được khẳng định qua những tác gia Hán Nôm thời Tây Sơn và Nguyễn Gia Long sau này. Lê Ngọc Hân, Đặng Đức Siêu, Linh mục Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Diêu, Đào Tấn, Nguyễn Trọng Trì, Đào Phan Duân, Mai Xuân Thường, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Thành, Phan Châu Trinh... đều được đánh giá là những tác giả có những đóng góp nhất định đối với văn học Hán Nôm khu vực này.

Có thể nói, văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ là bộ phận văn học chữ Hán và chữ Nôm của các địa phương từ Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận. Về phương diện lịch sử, văn học Nam Trung Bộ chịu hưởng rất lớn từ những thành tựu văn học Hán Nôm từ khu vực Bắc bộ, Bắc Trung bộ những cũng có những đặc tính khu biệt do địa bàn phân bố và đặc trưng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Do vậy, nghiên cứu bộ phận văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ là một trong những phương cách đánh giá vai trò, vị trí và những đóng góp của nó đối quá trình phát triển của lịch sử văn học cổ điển Việt Nam.

2.2. Về tình hình tư liệu văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ

Hệ thống tư liệu Hán Nôm Nam Trung Bộ chính là những chứng nhân lịch sử, ghi dấu bước chân của cha ông ta thời mở cõi. Hệ thống tư liệu Hán Nôm của khu vực Nam Trung Bộ hiện tồn tại dưới dạng văn bản giấy và văn bia, câu đối, hoành phi, bài minh... ở các cơ sở tôn giáo như đình chùa, miếu, hội quán và các tư gia (từ đường tộc họ, tử sách cá nhân). Nếu không sưu tầm, lưu giữ, nghiên cứu, phổ biến thì hệ thống di sản văn học Hán Nôm của khu vực sẽ bị mất mát và không có khả năng phục hồi.

Trước năm 1975, tại miền Nam, phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá đã tiến hành một chương trình sưu tầm và biên dịch lớn, dưới sự bảo trợ của chính phủ Việt Nam cộng hoà và Quốc vụ khanh - học giả Mai Thọ Truyền. Kết quả của chương trình này là sự ra đời của một số đầu sách do Ủy ban dịch thuật thực hiện như tuồng *Sãi Vãi* của Nguyễn Cư Trinh (Lê Ngọc Trụ, Phạm Văn Luật phiên âm, 1969), *Ngũ hổ bình Tây* của Nguyễn Diêu (Trần Văn Hương, Lê Ngọc Trụ phiên âm, 1970), *Sơn hậu diễn truyện* tương truyền do Đào Duy Từ soạn (Hoàng Văn Hoè phiên âm, 1971), *Hàm hoà diễn truyện* tương truyền của Đào Tấn (Đỗ Nhật Tân phiên âm, 1971)... Bên cạnh một số vở tuồng Nôm được phiên âm, một số tác giả Hán Nôm cũng bắt đầu được khảo cứu như Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu, Đào Tấn, Nguyễn Hiễn Dĩnh, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Thuật, Trần Quý Cáp, Lê Trung Đình, Võ Trứ... song mức độ và thành tựu cũng có những hạn chế nhất định. Từ sau năm 1975, tình hình nghiên cứu hệ thống tư liệu và xây dựng hồ sơ tác gia Hán Nôm ở khu vực Nam Trung Bộ đã được đầu tư tìm hiểu và bước đầu đạt được một số thành tựu khả quan. Có thể thấy một số công trình cụ thể như sau: Vũ Ngọc Liễn với bộ ba công trình về Đào Tấn (2003 - 2006) và *Nguyễn Diêu – ông đồ nghệ sĩ* (2012); Nguyễn Q. Thắng với các công trình về: *Huỳnh Thúc Kháng – Con người và thơ văn* (1973), *Hà Đình Nguyễn Thuật – Tác phẩm* (1996), *Tiểu La Nguyễn Thành* (2000); Nguyễn Hoàng Thân với các công trình về *Phạm Phú Thứ với Giá viên toàn tập* (2009), *Toàn tập Phạm Phú Thứ* (2016), *Văn bia Quảng Nam* (2014); Lộc Xuyên Đặng Quý Định: *Đào Duy Từ khảo biện* (1996), *Đào Phan Duân – Lý lịch, tác phẩm* (2000), *Mai viên cổ sự* (2000), *Bình Định Hán văn trích điểm* (2002), *Đào Tấn – Tang sự trích biên* (2002), *Song trung miếu và thơ xướng họa* (2002); Lê Khánh Hồng (Bảo tàng Quảng Ngãi) với các công trình về nhân vật Quảng Ngãi: *Trương Đăng Quế, Lê Trung Đình; Nguyễn Đăng Vũ với hệ thống tư liệu Hán Nôm về Hoàng Sa, Trường Sa ở Lý Sơn* (1999), *Tư liệu Hán Nôm Quảng Ngãi* (2018); Đào Nhật Kim, Võ Thị Ngọc Hoa với *Di sản Hán Nôm Phú Yên* (Đề tài cấp Tỉnh 2018); Nguyễn Đông Triều công bố tư liệu thơ văn, văn khắc Hán Nôm Nam Bộ và

Nam Trung Bộ; Huỳnh Chương Hưng, Võ Minh Hải: nghiên cứu văn bản và phiên âm các bản tuồng của Nguyễn Diêu; nghiên cứu về công văn, châu bản triều Nguyễn về Nam Trung Bộ, dịch thuật các tư liệu liên quan đến Bình Định, nhân vật Bình Định từ năm 2015 đến nay; Trung Tâm lưu trữ lịch sử Bình Định (Lê Xuân Cẩm, Võ Minh Hải): khảo sát địa danh Hán Nôm ở Nam Trung Bộ, nghiên cứu, sưu tầm và biên phiên dịch các tư liệu về sắc phong, thần tích, văn tế Hán Nôm ở Bình Định và các địa phương lân cận.

Qua thực tế khảo sát và điều tra điền dã, chúng tôi nhận thấy hệ thống tư liệu văn bản Hán Nôm ở miền Nam Trung Bộ mặc dù đã được đầu tư sưu tầm và hệ thống hoá nhưng vẫn chưa đồng bộ ở các địa phương, ngoại trừ tỉnh Quảng Nam. Hồ sơ tác phẩm của các tác gia văn học Hán Nôm địa phương chưa được biên phiên dịch đầy đủ. Nam Trung Bộ là một địa phương từng chịu nhiều ảnh hưởng của chiến tranh, lũ lụt, khí hậu nóng ẩm khiến cho tư liệu Hán Nôm dễ bị hư hỏng và mai một. Trong tình hình cấp bách đó, việc sưu tầm và tổ chức biên dịch hệ thống di sản văn học Hán Nôm cần được ưu tiên và số hoá thông qua các dự án sưu tầm, bảo tồn vốn cổ.

Nhìn chung, hệ thống tư liệu văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ hiện nay đã và đang nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, dịch thuật. Tuy nhiên, để khai thác tối đa những vấn đề trong nội dung của những văn bản hiện lưu trữ và sưu tầm, cần phải có một chiến lược lâu dài và đòi hỏi sự phối kết hợp của khá nhiều đơn vị hữu quan. Trong đó, vai trò thiết yếu thuộc về các nhóm nghiên cứu, phục chế và sưu tầm văn bản Hán Nôm và các cơ quan chức năng trực thuộc UBND các tỉnh thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ.

2.3. Sự phức tạp trong đội ngũ sáng tác của văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ

Tính đến nay, hành trình phát triển của văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ đã kéo dài gần 06 thế kỷ với những biến thiên phức tạp về mọi mặt. Xét về phương diện lực lượng sáng tác, qua khảo sát hệ thống tư liệu và ý kiến đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu khác nhau, chúng tôi cho rằng đội ngũ tác gia của bộ phận văn học này cần phải có sự minh định theo các tiêu chí cụ thể.

Năm 1965, Võ Long Tê trong *Lịch sử văn học công giáo Việt Nam* đã đặt vấn đề khảo cứu một số tác gia văn học Hán Nôm ở khu vực Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Tuy nhiên, vì mục đích đề cao vai trò của các thầy giảng và tác gia văn học Hán Nôm công giáo nên ông chỉ tập trung đi sâu đánh giá vai trò của linh mục Đặng Đức Tuấn – một tác gia Hán Nôm tiêu biểu của văn học công giáo Đàng Trong (Võ Long Tê, 1965). Phạm Việt Tuyền trong *Văn học Miền Nam* đã nêu bật những đóng góp cụ thể của các tác gia Hán Nôm cho văn học miền Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Riêng ở bộ phận văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ, ông đặc biệt khảo sát 02 tác gia lớn là Đào Duy Từ và Nguyễn Cư Trinh (Phạm Việt Tuyền, 1965).

Năm 1972, Nguyễn Văn Sâm trong *Văn học Nam Hà - Văn học Đường trong thời phân tranh* đã căn cứ vào những đặc tính về nội dung sáng tác (chữ dùng của tác giả) để phân chia thành 11 nhóm nhỏ tác gia với những đại diện tiêu biểu. Trong đó, khu vực Nam Trung Bộ có 03 tác gia tiêu biểu là Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu và Lê Ngọc Hân (Nguyễn Văn Sâm, 1972).

Năm 1994, trong *Tiến trình văn nghệ miền Nam*, Nguyễn Q. Thắng đã căn cứ vào lịch trình xuất hiện của tác gia để phân chia thành những nhóm nhỏ mà ông gọi là *tác giả tiền hiền* và *tác giả cận đại*. Trong nghiên cứu của Nguyễn Q. Thắng, ở bộ phận văn học Hán Nôm khu vực Nam Trung Bộ, ông đã trực tiếp khảo sát 02 tác giả là Đào Duy Từ, Nguyễn Cư Trinh và 01 tác phẩm tiêu biểu là *Văn Doan diễn ca* (Nguyễn Q. Thắng, 1994).

Về khảo cứu những tác gia cụ thể của bộ phận văn học này, có thể kể đến vai trò của Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Lộc, Thảo Thy, Phan Hứa Thuy, Nguyễn Hoàng Thân, Nguyễn Sinh Duy, Vũ Ngọc Liễn, Đặng Quý Định,... Tuy nhiên, vì mục đích nghiên cứu khác nhau, do vậy trong công trình của các tác giả này chủ yếu đi vào phác thảo những đặc điểm mang tính tiểu sử, văn bản tác phẩm và nội dung văn học của các sáng tác cụ thể. Việc xác định rõ vai trò, vị trí và những đóng góp của các tác giả Hán Nôm này chưa nhận được sự quan tâm đúng mức. Điều này ít nhiều đã tạo nên những hạn chế trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm và tác gia văn học Hán Nôm của khu vực Nam Trung Bộ.

Như vậy, việc tìm hiểu, phân loại lực lượng sáng tác văn học Hán Nôm ở Nam Trung Bộ có tính phức tạp, hỗn dung nhiều quan điểm sáng tác khác nhau dựa trên những lập trường chính trị, môi trường nhân văn khác nhau. Để phân định các nhóm tác giả, chúng tôi cho rằng cần phải dựa vào quan điểm tư tưởng, thể loại, nội dung sáng tác. Đặc biệt là những tác gia đó phải có những sáng tác bằng Hán văn và chữ Nôm, viết về con người, văn hoá và bối cảnh chính trị ở khu vực Nam Trung Bộ. Trên cơ sở đó, chúng ta có thể phân chia đội ngũ sáng tác của văn học Hán Nôm khu vực này thành các nhóm nhỏ theo tiến trình lịch sử cụ thể như sau:

- Nhóm tác gia thời Trịnh Nguyễn phân tranh (tính đến trước năm 1789): Đào Duy Từ và Nguyễn Cư Trinh.

- Nhóm tác gia thời Tây Sơn (tính đến trước năm 1802): Nguyễn Huy Lượng, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Lê Ngọc Hân...

- Nhóm tác gia thời Nguyễn Sơ (tính đến trước năm 1858): Đặng Đức Siêu, Nguyễn Dường Hạo, Phạm Lam Anh, Đặng Đức Tuấn, Ninh Tồn...

- Nhóm tác gia thời Nguyễn mạt (tính đến trước năm 1945): Nguyễn Diêu, Đào Tấn, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thành, Trần Cao Vân, Tăng Bạt Hổ, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh...

Việc phân chia thành 04 nhóm tác gia theo tiến trình lịch sử như trên là cơ sở để đánh giá về những đóng góp cụ thể của đội ngũ sáng tác đối với lịch sử văn học Hán Nôm Việt Nam. Cùng với đội ngũ tác gia của khu vực Nam bộ, Bắc bộ và Bắc Trung bộ, lực lượng sáng tác của khu vực này có tính phức tạp. Những sáng tác của họ đã góp phần tạo nên một bức tranh văn học Hán Nôm phong phú đa dạng, cần được khảo sát, minh định một cách cụ thể.

2.4. Thể loại tiêu biểu của văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ

2.4.1. Tuồng Hán Nôm

Theo các nhà nghiên cứu, tuồng là một thuật ngữ được sử dụng để chỉ một thể loại sân khấu mang tính ước lệ cao và được phát triển ở nhiều nước khu vực Đông Nam Á. Về nguồn gốc, tuồng được xác định là sinh ra ở miền Bắc, ban đầu chịu nhiều ảnh hưởng của hí kịch Trung Quốc; nhưng càng về sau loại hình này dần dần tách khỏi những ảnh hưởng đó, do các danh sĩ đã ý thức tinh thần dân tộc đã sáng tạo với tư duy của riêng mình, nhất là sự kiện của Đào Duy Từ đã có công lớn trong việc xây dựng bộ môn nghệ thuật tuồng (hát bội) trở thành một loại hình nghệ thuật tiêu biểu của văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ.

Vào cuối thế kỷ XVIII, văn học tuồng đã phát triển một cách hoàn chỉnh từ kịch bản văn học đến nghệ thuật biểu diễn. Dưới triều Nguyễn, tuồng có vị trí quan trọng trong sinh hoạt văn nghệ ở cung đình, thậm chí trở thành quốc kịch dưới triều vua Tự Đức. Trong thế kỷ XIX, tuồng đã có giai đoạn phát triển cực thịnh trong lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với sự nỗ lực phục hưng của Đào Tấn, Nguyễn Diêu, Nguyễn Hiên Dĩnh... Về nội dung và ý nghĩa

thẩm mỹ, các tác phẩm tuồng Hán Nôm ở khu vực này mang đậm âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về đạo lý, khí tiết của người anh hùng trong các hoàn cảnh đầy mâu thuẫn và xung đột. Chính vì vậy, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ độc đáo của Tuồng. Tính chất *bi* trong tuồng Hán Nôm Nam Trung Bộ đạt tới mức tột cùng của sự đau thương mất mát và tính chất *hùng* là sự thể hiện và đạt đến đỉnh điểm của sự hoành tráng, oai nghiêm.

Khi nhận định về thể loại văn học Hán Nôm này, sở dĩ trong một quãng thời gian khá dài, tuồng Hán Nôm Nam Trung Bộ chưa được đặt đúng vị trí, vai trò trong văn học sử do thiếu vắng những thông tin về văn bản nguyên tác, còn khá nhiều văn bản chưa được hiệu khảo, đánh giá đúng mức. Bên cạnh đó, trong một số công trình văn học sử, văn học tuồng chưa được nghiên cứu nhiều, đặc biệt là trên bình diện thể loại và phong cách sáng tác đặc trưng.

2.4.2. Văn tế Hán Nôm

Tính cho đến khi triều Tây Sơn sụp đổ, về cơ bản văn học Hán Nôm Nam Trung Bộ đã thực hiện tốt chức năng phản ánh tình trạng phân cách, lưu tán của khu vực. Điều này được thực hiện trước hết qua sự ngợi ca bậc minh chúa theo quan điểm của các cá nhân và khuynh hướng chính trị khác nhau. Đào Duy Từ đã đề cao đức độ của chúa Nguyễn và quân đội Đảng Trong:

“Chúa hay dùng đặng tôi tài,/ Mừng xem bốn bể dưới trời đều yên”.

(*Ngoạ Long cương ngâm*)

Hoặc Lê Ngọc Hân cũng không tiếc lời cảm thương Quang Trung - bậc chân chúa đã sớm quy thiên, để lại bao nỗi niềm và xót xa cho người ở lại:

“Nghe trước có đấng vua Thang, Võ,/ Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao.

Mà nay áo vải cờ đào,/ Giúp dân dựng nước biết bao công trình”.

(*Ai tư văn*)

Thứ đến là ngợi ca, tự hào về non sông đất nước:

“Cõi Nam từ định phong cương,/ Thành đồng chống vững âu vàng đặt an.

Trải xem mấy chốn hồ san,/ Hoa tươi cỏ tốt đòi ngàn gấm phong”.

(*Tư Dung văn*)

Và cuối cùng là thể hiện ý thức hệ của con người vùng đất mới, đó là ý thức mở mang bờ cõi, bốn phận với dân tộc. Đó cũng là tâm chí của một nhân tài phải từ bỏ đất Bắc vào Nam tìm chân chúa và cuối cùng cũng được thoả nguyện.

Riêng về thể loại văn tế Hán Nôm, Nguyễn Văn Sâm đã khẳng định tác giả Đặng Đức Siêu là “nhà phù thủy với chiếc đĩa thần văn tế”. Với nhiều tác gia khác như Phạm Liệu, Phạm Phú Thứ, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Xuân Kiều, Huỳnh Bá Văn, Đào Phan Duân, Nguyễn Chuân, Lê Đình Huyết, Hoà thượng Bích Liên, Trần Trọng Giải, Trần Đình Tân... ông đã tạo nền tảng cơ bản cho thể loại này được phát triển khá mạnh mẽ trong dòng chảy văn học Hán Nôm Việt Nam.

Không chỉ đề cao tư tưởng tôn quân và tinh thần trọng sĩ của các vị minh chủ, văn tế Hán Nôm Nam Trung Bộ còn ngợi ca tấm lòng trinh thuận của những người vợ đối với tiên phu của mình hay tấm lòng của những người con đối với tiên phụ, tiên mẫu khi họ đã thực sự đi xa. Lê Ngọc Hân đã xót xa khi thốt lên những lời đau đớn trước sự ra đi đột ngột của chồng. Áng văn bi ai nhất là những văn do vợ tế chồng (*Văn tế vua Quang Trung* của Lê Ngọc Hân, *Văn tế chồng* của Trần Đình Tân), con cái tế cha mẹ như *Văn tế mẹ* (Đào Phan Duân, Trần Trọng Giải), *Văn tế*

cha (Lê Đình Huyền). Bên cạnh chữ Trung, chữ hiếu trong những áng văn tế là điểm cần lưu ý, Phó bảng Đào Phan Duân cũng không cầm được nước mắt trong giờ phút sinh ly tử biệt với người hiền mẫu của ông:

“Cha sớm tách làng tiên cõi phật, thành linh đâu biết cuộc tang thương;/ Mẹ gây nên cử quế nhà lan, đừng sượng dễ đến lời cô quả...”

Trăng sầu mây thảm, trời đất còn hiện sắc ử ê;/ Lá héo cành khô, cỏ cây thây ra màu buồn bã.”

(Văn tế mẹ - Tế tiên tử văn thảo hợp tập)

Văn tế yêu nước gắn liền với quá trình chống ngoại xâm, văn tế Hán Nôm Nam Trung Bộ cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, khảo sát những văn bản văn tế Hán Nôm đã sưu tầm được, chúng tôi nhận thấy văn tế chữ Nôm nhằm tế tự nhân các sự kiện lịch sử chủ yếu liên quan đến công cuộc kháng Pháp của văn thân sĩ phu, đặc biệt là phong trào Cần vương ở khu vực Nam Trung Bộ (tiêu biểu là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên).

Văn tế được ra đời từ nhu cầu tế lễ, tiếc thương hay ngợi ca những người đã khuất. Thông qua lời văn, ý tưởng và nội dung bài tế, tác giả muốn trao gửi những tình cảm của người còn sống đến người đã mất và từ sự mất mát đau thương mà hướng đến sự huấn thị những người còn sống. Việc sử dụng văn tế không chỉ dừng lại ở mức độ tình cảm cá nhân mà ngày càng phát triển thêm những nội dung mới phù hợp với tình hình lịch sử của đất nước. Đó là nội dung ngợi ca tinh thần yêu nước vì nhân dân. Để tưởng nhớ vị anh hùng kháng Pháp – Nguyên soái Mai Xuân Thưởng 枚春賞, nhân dân địa phương đã không tiếc lời ca ngợi những đóng góp của ông đối với mảnh đất thân yêu này. Nhà chí sĩ Đồng Sĩ Bình (thông phán toà sứ Quy Nhơn), người đầu tiên đã mạnh dạn viếng Mai Xuân Thưởng qua hai câu Hán văn đầy xúc cảm và thán phục:

- Bại trận nhi bất hàng, hùng tâm phiêu vũ trụ, đao để chiến công lực kiệt, binh tàn, thế cô, tưng sử vận quốc hưng vong, liệt sĩ hồ cam hàm hận huyết;

- Đoạn đầu du năng tiểu, nghĩa khí quán càn khôn, hậu lai chuyên chế vân la, nhơn vong sự một, na thức giá bang tinh trận, hậu nhơn thượng vị hích kỳ danh.

敗陣而不降雄心飄宇宙到底戰攻力竭兵殘勢孤縱使運國興亡烈士乎甘含血恨

斷頭猶能笑義氣貫乾坤後來專制紼羅人亡事沒那識這幫精陣後人尚未覩其名。

(Bại trận quyết không đầu hàng, khí hùng bay vũ trụ, dù hơi tàn lực kiệt, nếu vận nước chưa suy, liệt sĩ khá đành ôm mối hận;

Đầu rơi còn cười cợt nghĩa khí rạng trời đất, mặc xiềng xích bủa giăng, người mất việc không, hay chẳng nông nổi ấy, mai sau ai đã rõ nguồn cơn)

Nhà chí sĩ Mai Xuân Thưởng là người rắn rỏi, khí cốt cương nghị, vì trúng mưu của Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc đã đại nghĩa hi sinh và tự nộp mình với tư cách là một bại tướng chứ không phải hàng tướng. Tiếp nối mạch ngầm hào khí Tây Sơn, Mai Xuân Thưởng đã trở thành một biểu tượng lớn trong lòng nhân dân các địa phương ở Nam Trung Bộ qua bao thế hệ.

Có thể nói, văn tế Hán Nôm miền Nam Trung Bộ thời kháng Pháp (1858 – 1954) là tiếng lòng của những người con yêu nước. Đó không chỉ là những lời than vãn mà còn là những lời dạy, lời khuyên, lời kêu gọi tiếp bước cha ông trên con đường tranh đấu. Văn tế Hán Nôm giai đoạn này không chỉ là những kết đọng từ máu huyết của người nằm xuống mà còn là lời tâm sự của tác giả. Do đó, văn tế Hán Nôm Nam Trung Bộ giai đoạn này có thể xem như những lời hịch kháng chiến và hoàn thành sứ mệnh vinh quang mà lịch sử đã giao phó.

3. Kết luận và những đề xuất nghiên cứu

So với các vùng miền khác, văn học Hán Nôm ở Nam Trung Bộ có những nét đặc sắc riêng đáng trân trọng. Nó là kết quả của hành trình mở cõi của ông cha chúng ta và tương tác văn hoá trong cộng đồng đa sắc tộc. Tiếp bước các khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ, văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ là điểm nối tiếp và phát triển trong một hoàn cảnh mới. Qua những phác thảo trên, tác giả muốn đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục thực hiện khi nghiên cứu về văn học, văn hoá Hán Nôm Nam Trung Bộ như sau:

Thứ nhất, cần đầu tư tìm hiểu sự phong phú và đa dạng trong đội ngũ sáng tác và sự phức điệu trong quan niệm, tư duy sáng tác – đây là những yếu tố đã tạo nên sự khởi sắc, khu biệt về nội dung của các tác phẩm văn học Hán Nôm khu vực này. Tuy nhiên, việc phân định các khuynh hướng sáng tác và những tác gia tiêu biểu cũng còn là vấn đề cần phải thảo luận và nghiên cứu, minh định thêm.

Hai là, vấn đề sưu tầm, bảo tồn và dịch thuật các tác phẩm Hán Nôm trong văn học khu vực Nam Trung Bộ đã nhận được sự quan tâm tìm hiểu của giới nghiên cứu. Song, trên thực tế, nó vẫn còn tồn đọng khá nhiều vấn đề về văn bản học, việc phân chia môn loại, tuyển dịch, công bố tác phẩm, số hoá và lưu trữ tác phẩm, hiệu đính, khảo dị tác phẩm và nghiên cứu về tác gia Hán Nôm Nam Trung Bộ có ảnh hưởng tiêu biểu.

Ba là, việc thẩm định, đánh giá nội dung tư tưởng các khuynh hướng sáng tác, các tác gia của bộ phận văn học này cần thật sự thận trọng và đặt trong mối tương quan với những dữ kiện, tư liệu lịch sử có thể kiểm chứng được.

Bốn là, ngoài văn học tuồng và văn tế Hán Nôm, các thể loại khác như hịch, thơ luật, thơ Nôm, Phú Hán Nôm... cũng có một trữ lượng khá lớn và hấp dẫn. Trên cơ sở so sánh với các khu vực khác, các nhà nghiên cứu cũng có thể tìm hiểu và xác định những đặc trưng khu biệt, góp phần định hình những đặc tính cơ bản của vùng văn học này trong tiến trình văn học cổ điển Việt Nam.

Trên đây là một số phác thảo sơ bộ về diện mạo văn học Hán Nôm miền Nam Trung Bộ trong tiến trình văn học cổ điển Việt Nam. Để nhận thức được những nét khu biệt và có ý nghĩa quan trọng của văn học chữ Hán và chữ Nôm ở khu vực văn hoá này, thiết nghĩ cần có những đầu tư cơ bản và hệ thống từ phía các viện, trung tâm nghiên cứu chuyên môn trên địa bàn địa phương và cơ quan trung ương. Sự kết nối và đầu tư nghiên cứu đó sẽ góp phần xác định rõ những đóng góp cơ bản của bộ phận văn học Hán Nôm khu vực này đối với lịch sử hành thành phát triển văn hoá địa phương và lịch sử văn học cổ điển Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Đặng Quý Định. (2008). *Bình Định Hán văn trích điểm*. Nxb Văn hoá dân tộc. Hà Nội.

Nguyễn Văn Sâm. (1972). *Văn học Nam Hà – Đường Trong thời phân tranh*. Lửa Thiêng. Sài Gòn.

Nguyễn Hữu Sơn. (2008). “Văn học Quảng Nam nửa đầu thế kỉ XX trong tiến trình hiện đại hoá”. Kỷ yếu *Văn học Quảng Nam – Đà Nẵng thế kỉ XX*. Trường Đại học Duy Tân. Đà Nẵng.

Nguyễn Q. Thắng. (1994). *Tiến trình văn nghệ miền Nam (Văn học miền Nam nơi miền đất mới)*. Nxb Văn hoá. Hà Nội.

Võ Long Tê (1965). *Lịch sử văn học công giáo Việt Nam*. tập 1. Nxb Tư Duy. Sài Gòn.

Phạm Việt Tuyền. (1965). *Văn học Miền Nam*. Nhà sách Khai Trí. Sài Gòn.